

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30-5-2023

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Danh Kim Tuyến

Ông Nguyễn Việt Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Diễm Trinh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2023/TLST – HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 85/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh B, sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: khóm V, phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Trần L, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Địa chỉ: khóm V, phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 03/10/2022, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh B trình bày:

Bà và ông Trần L có tổ chức lễ cưới vào năm 1996 và đăng ký kết hôn muộn vào ngày 27/9/2018 tại Ủy ban nhân dân Phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng bà sống rất vui vẻ, hạnh phúc, thời gian về sau vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống, ở nhà giữa bà và ông L đã tự thỏa thuận ly hôn với nhau, vợ chồng không còn tình cảm, sống chung không còn hạnh phúc nữa, bà và ông L ly thân với nhau từ tháng 3/2021 đến nay, bà muốn yên ổn làm ăn nên bà giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Trần L.

Về con chung: Bà và ông L có một con chung tên Trần C, sinh ngày 11/12/1997, hiện con đã trưởng thành, có vợ có con sống riêng, đủ khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2/ Bị đơn ông Trần L đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không trình bày ý kiến gửi đến Tòa án, cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Trần L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần L và bà Huỳnh B được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 1996 và đến ngày 27/9/2018 ông L và bà B là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà B là hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân giữa ông L và bà B, theo bà B cho rằng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bà bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà và ông L đã tự thỏa thuận ly hôn tại nhà nên giữa bà và ông L không còn tình cảm vợ chồng và bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, còn ông L đã được tòa án thông báo yêu cầu ly hôn của bà B nhưng không có ý kiến phản hồi đến Tòa án. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của ông L và bà B đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, tình trạng mâu thuẫn giữa ông L và bà B là trầm trọng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B, cho bà B được ly hôn với ông L.

[3] Về con chung: Bà B và ông L có một con chung tên Trần C, sinh ngày 11/12/1997 theo như bà B trình bày C đã trưởng thành có vợ con sống riêng, đủ khả năng lao động, không có yêu cầu gì, còn ông Liêm cũng không có ý kiến gì về con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Huỳnh B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007324 ngày 08/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Như vậy, bà B đã thực hiện xong án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh B.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh B được ly hôn với ông Trần L.

2/ Về con chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007324 ngày 08/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Như vậy, bà B đã thực hiện xong án phí.

5/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án còn đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND Phường H, TXNN;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã ký tên và đóng dấu

Đặng Thị Vàng

